TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** TỈNH GIA LAI ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày 10-4-2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thưởng.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và bà Nguyễn Thị Bắc.
-Thư ký phiên tòa:
Ông Phạm Quang Hoàn, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 412/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, về việc:*"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Lê Huy V, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995; cùng địa chỉ: Hẻm 196 L, tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-*Bị đơn*: Bà Tô Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Số nhà 163, đường Đ, tổ 2, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2022, và bản tự khai đề ngày 14/12/2022 và lời khai trong phiên họp hòa giải, nguyên đơn là ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T trình bày: Do mối quan hệ quen biết nhau nên vào ngày 16/9/2021 (âm lịch), bà Tô Thị N có vay của ông V và bà T số tiền là: 56.500.000 đồng, lãi 0,83%/tháng; thời hạn vay 1 tháng, theo giấy mượn tiền đã được bà Nhiệm ký tên bên mượn tiền, sau đó bà N đã chuyển trả được 2.000.000 đồng tiền lãi suất, số tiền gốc và lãi còn lại từ đó đến nay bà N không trả nên ông V và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Tô Thị N phải trả số tiền nợ gốc là: 56.500.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 0,83%/tháng tính từ ngày 16-9-2021 (âm lịch) đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2023, bị đơn là bà Tô Thị N trình bày: Tôi có vay ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T số tiền là 56.500.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi đến ngày 28-3-2023 là: 62.470.000 đồng, lãi suất 0.83%/tháng. Hiện nay tôi còn nợ vợ chồng V - T số tiền nợ gốc là: 56.500.000 đồng và lãi. Do khó khăn nên khi nào tôi bán được nhà tôi sẽ trả số tiền trên chi ông V và bà T.

Tại phiên họp hòa giải ngày 28-3-2023, bị đơn là bà Tô Thị N trình bày: Ngày 16-9-2021 (âm lịch) tôi có vay của ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T số tiền là: 56.500.000 đồng; có viết giấy vay tiền; thời hạn vay 1 tháng; lãi theo thỏa thuận là 0,83%/tháng. Vì kinh tế khó khăn nên tôi chỉ trả cho ông V và bà T được số tiền lãi suất là: 2.000.000 đồng, số tiền gốc và lãi còn lại tôi chưa trả được. Hiện nay, tôi còn nợ ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T số nợ gốc là: 56.500.000 đồng và lãi suất còn lại theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Tôi hẹn khi nào bán được nhà sẽ trả hết số tiền nợ trên cho ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Tô Thị N phải trả nợ cho ông V và bà T số tiền nợ gốc là: 56.500.000 đồng và tiền lãi suất theo mức 0,83% tính từ ngày 22-10-2021 (tức là ngày tiếp theo của ngày vay tiền) đến nay, trừ đi số tiền lãi đã trả là: 2.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Tô Thị N công nhận ngày 21-10-2021, bà N có vay của ông V và bà T số tiền là: 56.500.000 đồng và đã trả được 2.000.000 đồng tiền lãi, sau đó gặp khó khăn về kinh tế nên không trả nợ được. Hiện nay, bà Nhiệm còn nợ ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ gốc là: 56.500.000 đồng và nợ tiền lãi suất theo mức 0,83%/tháng từ ngày tiếp theo của vay tiền đến nay và trừ đi số tiền lãi đã trả là: 2.000.000 đồng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên khi nào bán được nhà thì bà N sẽ trả hết tiền nợ cho ông V và bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng vụ án, Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không có sự tham gia của Viện Kiểm sát cùng cấp, theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất được với nhau là: 21-10-2021 (tức là ngày 16-9-2021 âm lịch), bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 56.500.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật có tranh chấp là *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"*, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố P nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, theo lãnh thổ và cấp xét xử, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Nguyên đơn làm đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Khi xác lập hợp đồng vay tiền, các bên tham gia đều có năng lực pháp luật dân sự, giao kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tiền có hiệu lực.

[6] Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau là: Ngày 21-10-2021 (tức là ngày 16-9-2021 âm lịch), bị đơn là bà Tô Thị N có vay của nguyên đơn là ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T số tiền là: 56.500.000 đồng, lãi suất vay là 0,83%, thời hạn vay là 1 tháng, nhưng đến nay chưa trả. Lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn phù hợp với Giấy mượn tiền mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án.

[7] Hợp đồng vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, là Hợp đồng vay có kỳ hạn, có lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn không thực hiện đúng nội dung đã cam kết, là vi phạm hợp đồng và làm phát sinh nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, nguyên đơn được quyền làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả nợ số tiền đã vay đến nay chưa trả là: 56.500.000 đồng. Trong Hợp đồng vay tiền thể hiện lãi suất vay theo thỏa thuận, nhưng trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất với nhau về mức lãi suất vay là 0,83%. Nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất theo mức lãi suất nêu trên, là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật dân sự. Tiền lãi suất cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc là: 56.500.000 đồng được tính lãi suất từ ngày 22-10-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 10-4-2023 là: 17 tháng 25 ngày = 535 ngày, thành tiền là:

535 ngày x 56.500.000 đồng x 9,96%/365 ngày = 8.248.000 đồng (quy tròn). Trừ đi số tiền lãi đã trả là: 2.000.000 đồng. Số tiền lãi còn phải trả là: 6.248.000 đồng.

[8] Yêu cầu của bị đơn về phương thức trả nợ dần hằng thàng, mỗi tháng trả 500.000 đồng hoặc khi nào bán được nhà sẽ trả nợ, là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận.

Từ những nhận định tại các luận điểm trên đã đủ căn cứ khẳng định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều: 26, 35, 39, 144, 147, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

-Áp dụng các Điều: 275, 278, 280, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T.

Buộc bà Tô Thị N phải trả cho ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T, số tiền là: 62.748.000 đồng (trong đó: 56.500.000 đồng tiền nợ gốc và 6.248.000 đồng tiền nợ lãi suất).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Tô Thị N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.137.000 đồng (quy tròn).

Ông Lê Huy V và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho ông V và bà T số tiền là: 1.413.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai số 0002904 ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Người được quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là 10-4-2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 7b Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố P;
-Chi cục THADS TP.P;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thưởng